TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 10-6-2021.
V/v Ly hôn giữa anh Trương Hoài P và chị Lưu Thị Minh K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lực;

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2021, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trương Hoài P, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 128B/2422 ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Anh P có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Chị Lưu Thị Minh K (Tên gọi khác là L), sinh năm 1977; địa chỉ: Số 128B/2422 ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Chị K có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trương Hoài P trình bày: Anh Trương Hoài P và chị Lưu Thị Minh K sống chung như vợ chồng với nhau từ năm 2001, vợ chồng không tổ chức Lễ cưới, đến ngày 07/9/2010 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ ruột của anh P đến khoảng năm 2004 thì vợ chồng cất nhà ra riêng. Việc đăng ký kết hôn trễ là do vợ

chồng không am hiểu pháp luật. Sự việc này cũng được chị K thống nhất trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Anh P cho rằng, anh P và chị K chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị K thường xuyên bỏ đi làm xa để phục vụ nhu cầu chi xài của bản thân, không cùng anh P xây dựng kinh tế gia đình và thường xuyên gây nợ nần. Chị K còn nhiều lần mâu thuẫn với gia đình chồng và chồng là anh P, có lần chị K dùng dao chém vào vai của anh P làm anh P bị thương và có sẹo đến nay, nhưng do là vợ chồng nên anh P đã bỏ qua. Từ việc làm của chị K đã làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, trong thời gian hơn 01 năm nay, chị K đi làm ăn xa, ít khi về nhà, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh P, chị K chính thức ly thân (không còn chung sống như vợ chồng) từ ngày anh P nộp đơn khởi kiện tại Tòa án.

Tại phiên tòa, anh Trương Hoài P cho rằng anh không còn tình cảm với chị Lưu Thị Minh K nên anh P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh P yêu cầu ly hôn với chị K; Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung tên Trương Đình K, sinh ngày 19/02/2002, hiện cháu K đã trưởng thành có cuộc sống riêng; và cháu Trương Trọng B, sinh ngày 06/11/2006, hiện cháu B đang do chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Trọng B, sinh ngày 06/11/2006; Anh P không yêu cầu chị K có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung tên Bình cùng anh P. Đối với con chung tên Trương Đình K, sinh ngày 19/02/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị K cho rằng, sau khi sống chung với nhau tại nhà cha mẹ ruột của anh P đến khoảng cuối năm 2004 thì vợ chồng cất nhà ở riêng. Theo chị K thì hiện nay vợ chồng còn thương yêu nhau, hoàn toàn không có mâu thuẫn. Việc chị K đi làm xa là do mâu thuẫn với gia đình chồng, nhưng chồng không giải quyết được nên buồn và bỏ đi làm ăn. Khi đi chị có báo với chồng và trình với chính quyền địa phương là chị K đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tiền kiếm được khi đi làm chị K chi xài cá nhân, mua sắm vật dụng trong nhà và trang bị dụng cụ cho con học tập, giải trí. Trong thời gian làm việc ở Thành phố Hồ Chí Minh, chị K vẫn thường xuyên về nhà thăm chồng con (khoảng 01 lần/ tháng), mỗi lần chị K về anh P vẫn chạy xe gắn máy ra lộ lớn để rước chị K về nhà của hai vợ chồng. Từ khi ra riêng, vợ chồng chị không xài tiền chung, ai làm nấy xài, chị K cho rằng mình vẫn có phụ giúp chồng trong việc ruộng rẫy của gia đình. Tuy nhiên việc chi tiêu, sử dụng tiền của vợ chồng không làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình mà chủ yếu là anh P nghe lời gia đình mình không thông cảm và bênh vực chị K. Vợ chồng anh chị vẫn sống chung và duy trì cuộc sống vợ chồng cho đến khoảng Mùng 9 tháng Chạp vừa qua thì vợ chồng chính thức ly thân đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trương Hoài P yêu cầu ly hôn với chị K, chị K không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh P vì chị K còn thương chồng con, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị K cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn mà chỉ do gia đình chồng không tôn trọng chị.

Tại phiên tòa, chị K nhận thấy do anh P kiên quyết ly hôn nên chị K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh P. Chị K yêu cầu được tiếp tục trực nuôi dưỡng con chung tên Trương Trọng B, sinh ngày 06/11/2006; Và yêu cầu anh P có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung tên Bình cùng chị K, với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật, hình thức cấp dưỡng là một lần. Yêu cầu này của chị K không được anh P đồng ý. Đối với con chung tên Trương Đình K, sinh ngày 19/02/2002 đã trưởng thành nên anh P và chị K không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên cho rằng, căn cứ vào tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Trương Hoài P, anh P được ly hôn với chị K.

Về con chung: Trương Đình K đã trưởng thành; Trương Trọng B có nguyện vọng sống với mẹ do đó giao con chung tên Bình cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Bình mỗi tháng với mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc anh Trương Hoài P xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Lưu Thị Minh K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa anh P và chị K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do chị K có địa chỉ cư trú tại số nhà 128B/2422 ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa

án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc anh Trương Hoài P và chị Lưu Thị Minh K đăng ký kết hôn vào 07 tháng 9 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 107, đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, anh P và chị K đã không làm được điều đó, sau một thời gian chung sống, anh P và chị K đã bắt đầu xảy ra bất đồng về quan điểm sống, mỗi người chỉ lo cho cuộc sống riêng của mình, anh P cho rằng chị K thường xuyên bỏ đi làm xa để phục vụ nhu cầu chi xài của bản thân, không cùng anh P xây dựng kinh tế gia đình và thường xuyên gây nợ nần. Chị K còn nhiều lần mâu thuẫn với gia đình chồng và chồng là anh P, có lần chị K dùng dao chém vào vai của anh P làm anh P bị thương và có sẹo đến nay.

Chị K cho rằng việc chị K bỏ nhà đi làm ăn là do chị buồn vì mâu thuẫn với gia đình chồng, nhưng chồng không giải quyết được, chị hoàn toàn không có mâu thuẫn gì với anh P. Chị K thừa nhận tiền kiếm được khi đi làm ăn xa chị sử dụng để chi xài cá nhân, chị K còn cho rằng từ khi cưới nhau đến nay, vợ chồng không xài tiền chung, tiền mỗi người kiếm được thì tự chi xài riêng.

Cả anh P và chị K đều cho rằng vợ chồng đã không còn duy trì cuộc sống vợ chồng từ khoảng tháng Chạp năm 2020 cho đến nay.

Hành động và việc làm của anh P và chị K đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Từ khi ly thân đến nay đã khá lâu, chị K và anh P vẫn không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, yêu cầu ly hôn của anh P là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung:

Do con chung tên Trương Đình K, sinh ngày 19/02/2002, hiện cháu K đã trưởng thành có cuộc sống riêng, anh P và chị K không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đối với con chung tên Trương Trọng B, sinh ngày 06/11/2006, đang do chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay cháu Trương Trọng B vẫn do chị K trực tiếp nuôi dưỡng và cháu B phát triển bình thường như

bao đứa trẻ cùng trang lứa khác, nên yêu cầu của chị K là có căn cứ phù hợp với ý kiến của cháu B và quy định tại các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị K yêu cầu anh P có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung tên Bình cùng chị K với mức cấp dưỡng theo quy định là phù hợp với quy định của Điều 107, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, chị K yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng từ ngày ly hôn cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi với hình thức cấp dưỡng một lần. Yêu cầu này của chị K không được anh P đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Hội đồng xét xử buộc anh P có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung tên Trương Trọng B cùng chị K với mức cấp dưỡng bằng nữa (1/2) tháng lương cơ sở, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2021 đến khi cháu B đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân là phù hợp với quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Lưu Thị Minh K cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Trương Hoài P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, được quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Anh Trương Hoài P và chị Lưu Thị Minh K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh Trương Hoài P và chị Lưu Thị Minh K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Do anh Trương Hoài P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo, đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của các đương sự được quy định tại các điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa anh Trương Hoài P và chị Lưu Thị Minh K.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Trương Trọng B, sinh ngày 06/11/2006 cho chị Lưu Thị Minh K trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Buộc anh Trương Hoài P có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu Trương Trọng B cùng chị Lưu Thị Minh K, với mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng nữa (1/2) tháng lương cơ sở, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2021 đến khi cháu B đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

2.3. Sau khi ly hôn, chị Lưu Thị Minh K cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Trương Hoài P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Anh Trương Hoài P phải chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng. Tổng cộng anh P phải chịu 600.000 đồng tiền án dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BI/2019/0009960 ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Anh P phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. Anh Trương Hoài P, chị Lưu Thị Minh K có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.L;
- Chi cục THADS H.L;
- UBND xã B;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trần Văn Kiến